

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 333/BC-SNN ngày 24/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Nhà thầu khảo sát, thiết kế xây dựng: Viện Kỹ thuật công trình.

5. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu

5.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng mới tuyến kè, tổng chiều dài L=606m (gồm 563m kè bờ sông và 43m kè nhánh suối), điểm đầu nối tiếp sau đập thủy luân Na Sầm, điểm cuối tiếp giáp với rãnh thoát nước dọc đường quốc lộ 4A; trên tuyến bố trí xây dựng 05

Bên lên xuống sông, 06 cổng thoát nước.

- Công trình tạm: đường thi công kết hợp đê quây thi công xây dựng kè, tổng chiều dài 620m.

5.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Chân kè:

Cao trình đỉnh tường chân kè từ +164,6m đến +163,56m, chiều cao tường từ (1,8÷2,5)m (không kể chiều dày bản đáy), chiều dày đỉnh tường 0,3m, chiều dày chân tường 0,55m; chiều rộng bản đáy tường (2,15÷2,5)m; chiều dày bản đáy từ 0,55cm đến 0,40cm, kết cấu bằng bê tông cốt thép (BTCT) mác 250 đổ liền khối, dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là 11,8m cấu tạo bằng bao tảo tấm nhựa đường, bố trí các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; phía ngoài tường chân kè được gia cố bằng rọ đá xếp và đổ đá hộc.

Đoạn từ K0+266 đến K0+337: kết cấu kè là tường đứng bản góc có sườn chống, chiều cao tường 5,50m (không tính chiều dày bản đáy), chiều dày đỉnh tường 0,4m, chiều dày chân tường 0,90m, chiều rộng bản đáy tường 5,70m chiều dày bản đáy 0,90m; trên bố trí các sườn chống tăng cường, khoảng cách giữa các sườn chống là 3,40m, chiều dày sườn là 0,4m, kết cấu bằng BTCT mác 250 đổ liền khối, dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là 11,8m cấu tạo bằng bao tải tấm nhựa đường và các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; phía ngoài tường chân kè được gia cố bằng rọ đá xếp và đổ đá hộc.

b) Mái kè:

Hệ số mái $m=2,0$; mái dưới từ đỉnh tường chân kè đến cơ kè gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn mác 250 liên kết ngầm âm dương, kích thước (40x40x18)cm trong các ô khung BTCT mác 250 đổ tại chỗ, phía dưới là lớp đá dăm dày 10cm, tiếp dưới là 01 lớp vải địa kỹ thuật; mái trên từ cơ kè đến đỉnh mái kè gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn kích thước (100x100)cm dày 10cm có các lỗ rỗng tạo hình hoa văn, kết cấu bằng BTCT mác 250, phía dưới là lớp đá dăm dày 10cm, tiếp dưới là 01 lớp vải địa kỹ thuật.

c) Cơ kè: giữa mái kè bố trí 01 cơ kè, cao trình cơ từ +170,60m đến +167,56m, chiều rộng 2,0m, kết cấu bằng BTCT mác 250 đổ tại chỗ dày 20cm, phía dưới là lớp bê tông lót mác 150 dày 10cm.

d) Đỉnh kè: cao trình đỉnh kè thay đổi theo cao trình tự nhiên dọc tuyến kè, phụ thuộc vào từng đoạn kè, cao độ là +178,91m đến +171,06m.

- Đỉnh kè bố trí đường dạo rộng 2,0m (bao gồm cả rãnh thoát nước), kết cấu đường dạo, từ trên xuống gồm các lớp: gạch Terrazzo KT(40x40x3)cm, lớp bê tông mác 150, dày 15,0cm, lớp cát lót dày 10cm. Rãnh thoát nước bố trí dọc theo tuyến kè, kích thước (40x40)cm, thành và đáy dày 10cm, kết cấu bằng bê tông mác 200, nắp đậy bằng tấm BTCT mác 250 đúc sẵn dày 10cm.

- Đoạn từ K0+00 đến K0+87,4: đỉnh kè bố trí tường chắn, dạng tường trọng

lực bằng BTCT, chiều cao tường 3,05m đoạn cuối nối tiếp đến cao trình đỉnh kè đoạn sau, kết cấu bằng BTCT mác 250; dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là 11,8m, cấu tạo khe lún bằng bao tải tấm nhựa đường và các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược. Phạm vi từ mặt đường bê tông hiện có đến đỉnh tường, mặt đường rộng 6,30m đến 8,85m, kết cấu bằng bê tông mác 250 dày 20cm.

- Đoạn từ K0+266 đến K0+337: đỉnh kè có cao trình +168m, hoàn trả sân, chiều rộng sân từ 16,5m đến 19,6m, kết cấu bằng bê tông mác 250 dày 20cm.

- Dọc đỉnh kè bố trí lắp đặt lan can, cột lan can (20x20)cm, chiều cao cột 1,18m, khoảng cách giữa các cột là 2m, kết cấu bằng BTCT mác 200; tấm lan can có kích thước (178x98)cm bố trí hình hoa văn, kết cấu bằng BTCT mác 200.

d) Các công trình trên tuyến:

- Bến lên xuống sông: 05 bến, bố trí 04 bến lên xuống từ đỉnh kè xuống tới chân kè và một bến từ đỉnh kè xuống tới cơ giữa mái kè, kích thước rộng 03m, kết cấu bằng bê tông mác 250.

- Cổng thoát nước:

+ Xây dựng 03 cổng tại các vị trí khoảng cọc C5, C15-C16, C23-C24, điểm đầu nối với rãnh thoát nước trên đường dạo, có hố ga ở đầu cổng, điểm cuối tới tường chân kè; cổng xây dựng ngầm dưới mái kè, kích thước cổng BxH=(1,2x1,5)m, kích thước hố ga đầu cổng (1,4x2)m; kết cấu cổng bằng BTCT mác 250; nắp đậy hố ga bằng tấm BTCT mác 250 đúc sẵn dày 15 cm.

+ Xây dựng 01 cổng tại vị trí cọc C4, đầu cổng tại vị trí tường chắn đất đỉnh kè, điểm cuối tới tường chân kè, kết cấu bằng ống BTCT đúc sẵn ϕ 60cm, đáy bằng bê tông mác 200.

+ Xây dựng 02 cổng tại các vị trí cọc C10+6,5 và C10+17, kết cấu cổng bằng ống BTCT đúc sẵn ϕ 100cm, đầu cổng bố trí hố ga kích thước (1,0x1,2)m; kết cấu bằng BTCT mác 250; nắp đậy hố ga bằng tấm BTCT mác 250 đúc sẵn dày 15,0cm.

+ Xây dựng cổng nối tiếp với công hiện có tại vị trí K0+435 (C18); loại công hộp kích thước bxxh=(4x4,3)m, chiều dài công 13,15m; kết cấu công bằng BTCT mác 250, sau công bố trí bể tiêu năng dài 12,0m, rộng từ (4-8)m, chiều sâu bể là 0,8m, kết cấu bằng BTCT mác 250.

đ) Công trình xây dựng tạm:

Đê quây dẫn dòng thi công kết hợp đường thi công xây dựng kè, cao trình đỉnh đê quây +165,6m đến +164,61m, hệ số mái m=1,50; kết cấu đường bằng đất đắp; đắp 01 hàng bao tải để chống xói mái đê quây và bảo vệ hố móng thi công tường chân kè, vật liệu để đắp sử dụng cuội sỏi lẫn đất cát đào tại lòng sông.

6. Tổng giá trị dự toán xây dựng công trình: 50.000.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng 3.200.000.000 đồng.

- Chi phí xây dựng	33.155.771.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án	766.200.000	đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD	2.492.438.000	đồng.
- Chi phí khác	1.612.410.000	đồng.
- Chi phí dự phòng	8.773.181.000	đồng.

7. Nguồn vốn: vốn dự phòng NSTW năm 2019 và nguồn vốn dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện: năm 2020 - 2021.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh,
Phòng TH-NC, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

CHỦ TỊCH

Hồ Tiến Thiệu